

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN KB VIỆT NAM

QUY CHẾ NỘI BỘ VỀ QUẢN TRỊ CÔNG TY

Hà Nội, Tháng 3/2020



MỤC LỤC

QUY CHẾ QUẢN TRỊ NỘI BỘ CÔNG TY CỔ PHẦN KB VIỆT NAM

CHƯƠNG I. TRÌNH TỰ, THỦ TỤC VỀ TRIỆU TẬP.....	4
VÀ BIỂU QUYẾT TẠI ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG	4
Điều 1. Triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông	4
Điều 2. Điều kiện tiến hành họp Đại hội đồng cổ đông.....	5
Điều 3: Thể thức tiến hành họp Đại hội đồng cổ đông	5
Điều 4: Nghị quyết và biên bản họp Đại hội đồng cổ đông	6
CHƯƠNG II. TRÌNH TỰ, THỦ TỤC ĐỀ CỬ, ỦNG CỬ, BẦU, MIỄN NHIỆM VÀ BÃI NHIỆM THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ	7
Điều 5. Tiêu chuẩn và yêu cầu về thành viên Hội đồng quản trị.....	7
Điều 6. Thủ tục ứng cử, đề cử thành viên Hội đồng quản trị	7
Điều 7. Miễn nhiệm và bãi nhiệm:	7
CHƯƠNG III. TRÌNH TỰ, THỦ TỤC TỔ CHỨC HỌP HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ.....	8
Điều 8. Thông báo họp Hội đồng quản trị	8
Điều 9. Các cuộc họp Hội đồng quản trị	8
Điều 10. Cách thức biểu quyết.....	9
Điều 11. Nghị quyết và Biên bản họp Hội đồng quản trị	10
CHƯƠNG IV. TRÌNH TỰ, THỦ TỤC LỰA CHỌN, BỔ NHIỆM,	10
MIỄN NHIỆM CÁN BỘ QUẢN LÝ	10
Điều 12. Tổ chức bổ máy quản lý:	10
Điều 13. Lựa chọn, tiêu chuẩn bổ nhiệm cán bộ quản lý:	10
Điều 14. Bãi nhiệm, miễn nhiệm cán bộ quản lý	11
CHƯƠNG V. CÁCH THỨC HOẠT ĐỘNG CỦA BAN KIỂM SOÁT	11
Điều 15. Tiêu chuẩn và điều kiện thành viên Ban Kiểm soát.....	11
Điều 16. Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm Ban Kiểm soát	12
Điều 17. Cách thức hoạt động và cuộc họp Ban Kiểm soát:	12
CHƯƠNG VI. QUY ĐỊNH VỀ ĐÁNH GIÁ HÀNG NĂM ĐỐI VỚI HOẠT ĐỘNG, KHEN THƯỞNG VÀ KỶ LUẬT ĐỐI VỚI THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, THÀNH VIÊN BAN KIỂM SOÁT, TỔNG GIÁM ĐỐC....	13
Điều 18. Phương thức đánh giá hoạt động	13
Điều 19. Tiêu chí đánh giá hoạt động	13
Điều 20. Khen thưởng, kỷ luật.....	13
Điều 21. Đổi với thành viên Hội đồng quản trị	13
Điều 22. Đổi với thành viên Ban Kiểm soát.....	14
Điều 23. Đổi với Tổng Giám đốc điều hành	14
Điều 24. Đổi với các cán bộ đảm nhiệm các vị trí quản lý khác:.....	14

Điều 25. Trách nhiệm về thiệt hại.....	14
CHƯƠNG VII. SỬA ĐỔI VÀ BỔ SUNG QUY CHẾ.....	15
Điều 26. Bổ sung và sửa đổi quy chế	15
CHƯƠNG VIII. NGÀY HIỆU LỰC.....	15
Điều 27. Ngày hiệu lực.....	15

**CHƯƠNG I. TRÌNH TỰ, THỦ TỤC VỀ TRIỆU TẬP
VÀ BIỂU QUYẾT TẠI ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG**

Điều 1. Triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông

1. Số lượng, thời gian, địa điểm họp

- a. Đại hội đồng cổ đông họp thường niên mỗi năm một (01) lần. Ngoài ra, Đại hội đồng cổ đông có thể họp bất thường. Địa Điểm họp Đại hội đồng cổ đông phải ở trên lãnh thổ Việt Nam. Trường hợp cuộc họp Đại hội đồng cổ đông được tổ chức đồng thời ở nhiều địa điểm khác nhau thì địa Điểm họp Đại hội đồng cổ đông được xác định là nơi chủ tọa tham dự họp.
- b. Đại hội đồng cổ đông phải họp thường niên trong thời hạn bốn (04) tháng kể từ ngày kết thúc năm tài chính. Hội đồng quản trị quyết định gia hạn họp Đại hội đồng cổ đông thường niên nhưng không quá 06 tháng, kể từ ngày kết thúc năm tài chính.

2. Thủ tục triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông

- a. Hội đồng quản trị có trách nhiệm triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông. HĐQT phải triệu tập họp bất thường ĐHĐCD trong các trường hợp sau đây:
 - Hội đồng quản trị xem xét cần thiết vì lợi ích của Công ty;
 - Báo cáo tài chính quý hoặc nửa năm hoặc báo cáo kiểm toán của năm tài chính phản ánh vốn điều lệ đã sụt giảm một nửa;
 - Số thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban Kiểm soát còn lại ít hơn số thành viên theo quy định của pháp luật;
 - Theo yêu cầu của cổ đông hoặc nhóm cổ đông có sở hữu 5% tổng số cổ phần thông trao đổi quy định tại Điều lệ này bằng văn bản kiến nghị nêu rõ lý do và mục đích họp, có chữ ký của các cổ đông có liên quan;
 - Theo yêu cầu của Ban Kiểm soát nếu có lý do là các thành viên Hội đồng quản trị hoặc cán bộ quản lý cấp cao vi phạm nghiêm trọng nghĩa vụ của họ.
- b. HĐQT phải triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông bất thường trong thời hạn ba mươi (30) ngày, kể từ ngày số thành viên Hội đồng quản trị còn lại như quy định tại tiểu mục 3 điểm a Khoản 2 Điều này hoặc nhận được yêu cầu quy định tại tiểu mục 4 và 5 điểm a Khoản 2 Điều này. Trường hợp HĐQT không triệu tập Đại hội đồng cổ đông theo quy định thì Chủ tịch HĐQT và các thành viên Hội đồng quản trị phải chịu trách nhiệm trước pháp luật và bồi thường thiệt hại cho Công ty.
- c. Trường hợp HĐQT không triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều này thì trong thời hạn ba mươi ngày tiếp theo, Ban kiểm soát thay thế HĐQT triệu tập họp ĐHĐCD theo quy định tại Luật Doanh nghiệp. Trường hợp Ban Kiểm soát không triệu tập ĐHĐCD theo quy định thì Trưởng ban kiểm soát và các thành viên Ban kiểm soát phải chịu trách nhiệm trước pháp luật và bồi thường thiệt hại cho Công ty.
- d. Trường hợp Ban kiểm soát không triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại điểm c khoản 2 Điều này thì trong thời hạn ba mươi ngày tiếp theo cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại tiểu mục 4 điểm a Khoản 2, Điều này có quyền thay thế Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại Luật liên quan. Trong trường hợp này, cổ đông hoặc nhóm cổ đông triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông có thể đề nghị Ủy ban Chứng khoán Nhà nước giám sát việc triệu tập và tiến hành họp nếu xét thấy cần thiết.
- e. Tất cả các chi phí cho việc triệu tập và tiến hành họp Đại hội đồng cổ đông sẽ được Công ty hoàn lại. Chi phí này không bao gồm những chi phí do cổ đông chi tiêu khi tham dự Đại hội đồng cổ đông, kể cả chi phí ăn ở và đi lại.

Điều 2. Điều kiện tiến hành họp Đại hội đồng cổ đông

1. Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông được tiến hành khi có số cổ đông dự họp đại diện trên 51% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết.
2. Trường hợp cuộc họp lần thứ nhất trong vòng 30 (ba mươi) phút kể từ thời điểm ấn định khai mạc đại hội mà không có đủ số lượng đại biểu cần thiết, đại hội phải triệu tập họp lần thứ hai trong thời hạn 30 (ba mươi) ngày, kể từ ngày dự định họp lần thứ nhất. Cuộc họp của ĐHĐCDĐ triệu tập lần thứ hai được tiến hành khi có số cổ đông và các đại diện được ủy quyền dự họp đại diện cho ít nhất 33% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết.
3. Trường hợp cuộc họp triệu tập lần thứ hai trong vòng 30 (ba mươi) phút kể từ thời điểm ấn định khai mạc đại hội mà không có đủ số lượng đại biểu cần thiết, đại hội phải triệu tập họp lần thứ ba trong thời hạn 20 (hai mươi) ngày, kể từ ngày dự định họp lần thứ hai. Trong trường hợp này, cuộc họp của ĐHĐCDĐ được tiến hành không phụ thuộc vào số cổ đông dự họp và tỷ lệ số cổ phần có quyền biểu quyết của các cổ đông dự họp và được coi là hợp lệ và có quyền quyết định tất cả các vấn đề mà ĐHĐCDĐ lần thứ nhất có thể phê chuẩn.
4. Theo đề nghị của Chủ tọa, Đại hội đồng cổ đông có quyền thay đổi chương trình họp đã được gửi kèm theo thông báo mời họp theo quy định tại Luật Doanh nghiệp.

Điều 3: Thủ tục tiến hành họp Đại hội đồng cổ đông

1. Cổ đông được coi là tham dự và biểu quyết tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông trong trường hợp tham dự và biểu quyết trực tiếp; ủy quyền cho một người khác; thông qua bỏ phiếu điện tử hoặc hình thức điện tử khác; gửi phiếu biểu quyết đến cuộc họp thông qua gửi thư, fax, thư điện tử ...
2. Đăng ký cổ đông dự họp Đại hội đồng cổ đông:
 - a. Vào ngày tổ chức Đại hội đồng cổ đông, Công ty phải thực hiện thủ tục đăng ký cổ đông và phải thực hiện việc đăng ký cho đến khi các cổ đông có quyền dự họp có mặt đăng ký hết;
 - b. Khi tiến hành đăng ký cổ đông, Công ty sẽ cấp cho từng cổ đông hoặc đại diện ủy quyền thẻ biểu quyết, trên đó ghi họ và tên cổ đông hoặc đại diện ủy quyền và số phiếu biểu quyết của cổ đông đó;
 - c. Chủ tọa không có trách nhiệm dừng đại hội để cho cổ đông đến muộn đăng ký và hiệu lực của các đợt biểu quyết đã tiến hành trước khi cổ đông đến muộn tham dự sẽ không bị ảnh hưởng.
3. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông có thể yêu cầu các cổ đông hoặc đại diện được ủy quyền tham dự Đại hội đồng cổ đông chịu sự kiểm tra hoặc các biện pháp an ninh hợp pháp, hợp lý khác. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông sau khi xem xét một cách cẩn trọng có thể từ chối hoặc trực xuất cổ đông hoặc đại diện ủy quyền không tuân thủ những quy định kiểm tra hoặc các biện pháp an ninh, cố ý gây rối trật tự, ngăn cản tiến triển bình thường của cuộc họp.
4. Bầu Chủ tọa, Thư ký và Ban kiểm phiếu: Đại hội đồng cổ đông sẽ do Chủ tịch Hội đồng quản trị hoặc ủy quyền cho thành viên Hội đồng quản trị khác làm chủ tọa các cuộc họp do Hội đồng quản trị triệu tập. Trường hợp Chủ tịch Hội đồng quản trị vắng mặt hoặc tạm thời mất khả năng làm việc thì thành viên Hội đồng quản trị còn lại bầu ra một người trong số họ làm chủ tọa cuộc họp theo nguyên tắc đa số. Trường hợp không bầu được chủ tọa, Trường Ban kiểm soát điều hành để Đại hội đồng cổ đông bầu ra chủ tọa và trong số những người dự họp và người có phiếu bầu cao nhất sẽ làm chủ tọa cuộc họp. Trong các Trường hợp khác, người ký tên triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông điều khiển Đại hội đồng cổ đông bầu chủ tọa cuộc họp và người có số phiếu bầu cao nhất được cử làm chủ tọa cuộc họp. Chủ tọa cử một hoặc một số người làm thư ký để lập Biên bản đại hội. Chủ tọa đề cử để Đại hội đồng cổ đông bầu Ban kiểm phiếu để kiểm tra phiếu biểu quyết và bầu cử tại đại hội.

5. Quyết định của Chủ tọa về trình tự, thủ tục hoặc các sự kiện phát sinh ngoài chương trình của Đại hội đồng cổ đông sẽ mang tính phán quyết cao nhất.
6. Chủ tọa Đại hội đồng cổ đông có thể hoãn cuộc họp đại hội tối đa không quá 03 (ba) ngày kể từ ngày Đại hội dự định khai mạc ngay cả trong trường hợp đã có đủ số đại biểu cần thiết đến một địa điểm khác và tại một địa điểm do Chủ tọa quyết định mà không cần lấy ý kiến của đại hội trong các trường hợp:
 - a. Địa điểm họp không đủ chỗ ngồi thuận tiện cho tất cả người dự họp;
 - b. Các phương tiện thông tin không đảm bảo cho cổ đông dự họp tham gia, thảo luận và biểu quyết;
 - c. Có người dự họp cản trở, gây rối trật tự có nguy cơ làm cho cuộc họp không được tiến hành một cách công bằng và hợp pháp.
7. Thông qua chương trình và nội dung họp: Chương trình và nội dung họp phải được Đại hội đồng cổ đông thông qua trong phiên khai mạc. Chi tiết và thời gian của từng vấn đề thảo luận được mô tả trong chương trình họp.
8. Trường hợp chủ tọa hoãn hoặc tạm dừng họp Đại hội đồng cổ đông trái với quy định tại khoản 6 Điều này, Đại hội đồng cổ đông bầu một người khác trong số những người dự họp để thay thế chủ tọa điều hành cuộc họp cho đến lúc kết thúc; tất cả nghị quyết được thông qua tại cuộc họp đó đều có hiệu lực thi hành.
9. Đại hội đồng cổ đông thảo luận và biểu quyết theo từng vấn đề trong nội dung chương trình. Việc biểu quyết được tiến hành bằng cách thu thẻ biểu quyết tán thành nghị quyết, sau đó thu thẻ biểu quyết không tán thành, cuối cùng kiểm phiếu tập hợp số phiếu biểu quyết tán thành, không tán thành, không có ý kiến.
10. Công bố kết quả kiểm phiếu: Chủ tọa đại hội hoặc Trưởng ban kiểm phiếu sẽ công bố kết quả kiểm phiếu sau khi Ban kiểm phiếu thực hiện xong nhiệm vụ kiểm phiếu tại đại hội.

Điều 4: Nghị quyết và biên bản họp Đại hội đồng cổ đông

1. Quyết định của Đại hội đồng cổ đông có hiệu lực kể từ ngày được thông qua hoặc từ thời điểm hiệu lực ghi tại nghị quyết đó.
2. Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông phải được thông báo đến cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông trong thời hạn (15) mười lăm ngày, kể từ ngày nghị quyết được thông qua. Việc gửi nghị quyết có thể thay thế bằng việc đăng tải trên trang thông tin điện tử của Công ty.
3. Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông phải được ghi biên bản và có thể ghi âm hoặc ghi và lưu giữ dưới hình thức điện tử khác với các nội dung chủ yếu theo quy định của pháp luật. Biên bản phải lập bằng tiếng Việt, có thể lập thêm bằng tiếng nước ngoài và có hiệu lực pháp lý như nhau. Trường hợp có sự khác nhau về nội dung giữa các biên bản thì nội dung trong biên bản tiếng Việt có hiệu lực áp dụng.
4. Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông phải làm xong và thông qua trước khi kết thúc cuộc họp.
5. Chủ tọa và thư ký cuộc họp phải liên đới chịu trách nhiệm về tính trung thực, chính xác của nội dung biên bản.
6. Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông phải được gửi đến tất cả cổ đông trong thời hạn mười lăm (15) ngày, kể từ ngày kết thúc cuộc họp. Việc gửi biên bản họp Đại hội đồng cổ đông có thể thay thế bằng việc đăng tải lên trang thông tin điện tử của Công ty. Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông,

phụ lục danh sách cổ đông đăng ký dự họp, nghị quyết đã được thông qua và các tài liệu có liên quan gửi kèm theo thông báo mời họp phải được lưu giữ tại trụ sở chính của Công ty.

CHƯƠNG II. TRÌNH TỰ, THỦ TỤC ĐỀ CỬ, ỨNG CỬ, BẦU, MIỄN NHIỆM VÀ BÃI NHIỆM THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Điều 5. Tiêu chuẩn và yêu cầu về thành viên Hội đồng quản trị

1. Tiêu chuẩn và điều kiện thành viên hội đồng quản trị

Các thành viên hội đồng quản trị phải có các tiêu chuẩn và điều kiện:

- a. Có năng lực hành vi dân sự đầy đủ, không thuộc đối tượng không được quản lý doanh nghiệp theo quy định của Luật Doanh nghiệp;
- b. Có trình độ chuyên môn, kinh nghiệm trong quản lý kinh doanh hoặc kinh nghiệm trong lĩnh vực chứng khoán, tài chính, ngân hàng;
- c. Không phải là Giám đốc (Tổng Giám đốc), thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Hội đồng thành viên của công ty chứng khoán khác; không được đồng thời làm thành viên Hội đồng quản trị của trên 05 (năm) công ty khác (đối với công ty niêm yết);
- d. Không từng là thành viên Hội đồng quản trị hoặc đại diện theo pháp luật của một công ty bị phá sản hoặc bị cấm hoạt động do những vi phạm pháp luật nghiêm trọng;
- e. Các điều kiện khác (nếu có) theo quy định của Điều lệ và pháp luật.

2. Thành phần Hội đồng quản trị

- a. Số thành viên Hội đồng quản trị tối thiểu là 03 (ba) thành viên và nhiều nhất là 11 (mười một) người;
- b. Hội đồng quản trị phải có tối thiểu 01 (một) thành viên thường trú ở Việt Nam.

Điều 6. Thủ tục ứng cử, đề cử thành viên Hội đồng quản trị

- a. Việc đề cử người vào Hội đồng quản trị thực hiện theo cơ chế sau: Cổ đông, nhóm cổ đông sở hữu từ 5% đến dưới 20% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết trong thời hạn liên tục ít nhất sáu tháng được đề cử một thành viên; từ 20% đến dưới 30% được đề cử hai thành viên; từ 30% đến dưới 50% được đề cử ba thành viên; từ 50% đến dưới 65% được đề cử bốn thành viên, và nếu từ 65% trở lên được đề cử đủ số ứng viên. Trường hợp số lượng ứng cử viên được cổ đông, nhóm cổ đông đề cử thấp hơn số ứng cử viên mà họ được quyền đề cử thì số ứng cử viên còn lại do Hội đồng quản trị hoặc Ban kiểm soát đề cử theo một cơ chế khác.
- b. Cơ chế đề cử hoặc cách thức Hội đồng quản trị đương nhiệm, Ban Kiểm soát, cổ đông khác đề cử người vào Hội đồng quản trị phải được công bố rõ ràng và phải được Đại hội đồng cổ đông thông qua trước khi tiến hành đề cử.

Điều 7. Miễn nhiệm và bãi nhiệm:

1. Các trường hợp miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị trong nhiệm kỳ:
 - a. Thành viên Hội đồng quản trị không có đủ tiêu chuẩn và điều kiện theo quy định tại Quy chế này;

- b. Thành viên Hội đồng quản trị không tham gia các hoạt động của Hội đồng quản trị trong sáu tháng liên tục, trừ trường hợp bất khả kháng;
- c. Có đơn xin từ chức bằng văn bản và được Công ty chấp thuận;
- d. Bị Đại hội đồng cổ đông bãi nhiệm, miễn nhiệm.
- e. Các trường hợp khác phù hợp với quy định của Điều lệ và pháp luật.

Trừ trường hợp quy định tại điểm d khoản 1 Điều này, thành viên Hội đồng quản trị sẽ không còn tư cách thành viên ngay sau khi Hội đồng quản trị có quyết định xác nhận thành viên đó đã không còn tư cách thành viên mà không cần quyết định của Đại hội đồng cổ đông phê chuẩn.

- 2. Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông để bầu bổ sung thành viên Hội đồng quản trị trong trường hợp sau:
 - a. Số lượng thành viên Hội đồng quản trị bị giảm quá một phần ba (1/3) so với số lượng quy định tại Điều lệ công ty. Trong trường hợp này Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông trong thời hạn không quá sáu mươi (60) ngày kể từ ngày số thành viên bị giảm quá một phần ba;
 - b. Trường hợp bổ sung thành viên Hội đồng quản trị: trong trường hợp một thành viên bị mất tư cách thành viên theo quy định của pháp luật và Điều lệ công ty, bị cách chức, miễn nhiệm hoặc vì một lý do nào đó không thể tiếp tục làm thành viên Hội đồng quản trị, Hội đồng quản trị có thể bầu người khác tạm thời làm thành viên Hội đồng quản trị. Việc bầu mới thành viên Hội đồng thay thế phải được thực hiện tại Đại hội đồng cổ đông gần nhất. Nếu được Đại hội đồng cổ đông chấp thuận thì ngày có hiệu lực là ngày Hội đồng quản trị bổ nhiệm. Nếu không được Đại hội đồng cổ đông chấp thuận thì thành viên mới này mất tư cách thành viên Hội đồng quản trị, nhưng những biểu quyết của thành viên mới này trong thời gian từ lúc Hội đồng quản trị bổ nhiệm đến ngày Đại hội đồng cổ đông vẫn công nhận giá trị và những Nghị quyết Hội đồng quản trị thông qua sẽ không bị vô hiệu;
 - c. Các trường hợp khác, Đại hội đồng cổ đông bầu thành viên mới thay thế thành viên bị miễn nhiệm, bãi nhiệm tại cuộc họp gần nhất.

CHƯƠNG III. TRÌNH TỰ, THỦ TỤC TỔ CHỨC HỌP HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Điều 8. Thông báo họp Hội đồng quản trị

Chủ tịch Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Hội đồng quản trị trong thời hạn 07 ngày làm việc kể từ ngày nhận được đề nghị quy định tại Điều lệ Công ty.

Chủ tịch Hội đồng quản trị hoặc người triệu tập họp Hội đồng quản trị phải gửi thông báo mời họp chậm nhất 07 (bảy) ngày làm việc trước ngày họp cho các thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban Kiểm soát, Tổng Giám đốc. Thông báo mời họp phải xác định cụ thể thời gian và địa điểm họp, chương trình, các vấn đề thảo luận và quyết định, kèm theo tài liệu sử dụng tại cuộc họp và phiếu biểu quyết của thành viên. Cách thức gửi thông báo thực hiện theo quy định của Luật Doanh nghiệp.

Điều 9. Các cuộc họp Hội đồng quản trị

1. Họp bầu Chủ tịch Hội đồng quản trị

Chủ tịch Hội đồng quản trị được bầu trong cuộc họp đầu tiên của nhiệm kỳ Hội đồng quản trị trong thời hạn bảy (07) ngày làm việc kể từ ngày kết thúc bầu cử Hội đồng quản trị nhiệm kỳ đó. Cuộc họp

này do thành viên có số phiếu bầu cao nhất hoặc tỷ lệ phiếu bầu cao nhất triệu tập và chủ trì. Trường hợp có nhiều hơn một thành viên có số phiếu bầu hoặc tỷ lệ bầu cao nhất và ngang nhau thì các thành viên bầu theo nguyên tắc đa số để chọn một (01) người trong số họ triệu tập họp Hội đồng quản trị.

2. Điều kiện và thể thức họp Hội đồng quản trị

- a. Cuộc họp định kỳ của Hội đồng quản trị do Chủ tịch triệu tập bất cứ khi nào nếu xét thấy cần thiết;
- b. Cuộc họp Hội đồng quản trị theo giấy triệu tập lần thứ nhất được tiến hành khi có từ ba phần tư (3/4) tổng số thành viên trở lên dự họp. Trường hợp cuộc họp được triệu tập lần thứ nhất không đủ số thành viên dự họp theo quy định thì được triệu tập lần thứ hai trong thời hạn 07 (bảy) ngày, kể từ ngày dự định họp lần thứ nhất. Trong trường hợp này, cuộc họp được tiến hành nếu có hơn một nửa số thành viên Hội đồng quản trị dự họp;
- c. Nghị quyết Hội đồng quản trị bằng văn bản phải có chữ ký của Chủ tịch Hội đồng quản trị hoặc Phó Chủ tịch Hội đồng quản trị hoặc thành viên khác nếu được Chủ tịch Hội đồng quản trị ủy quyền.
- d. Các cuộc họp của Hội đồng quản trị phải được lập biên bản và tất cả thành viên dự họp phải ký vào biên bản họp, biên bản họp có thể ghi âm, ghi và lưu giữ dưới hình thức điện tử khác tại trụ sở Công ty. Biên bản họp lập bằng tiếng Việt và có thể lập thêm bằng tiếng nước ngoài, có đầy đủ nội dung chủ yếu theo quy định của pháp luật doanh nghiệp. Biên bản lập bằng tiếng Việt và tiếng nước ngoài có hiệu lực ngang nhau. Trường hợp có sự khác nhau về nội dung thì nội dung trong biên bản tiếng Việt có hiệu lực áp dụng. Chủ tọa và người ghi biên bản phải chịu trách nhiệm về tính trung thực và chính xác của nội dung biên bản họp Hội đồng quản trị.

3. Địa điểm họp.

Các cuộc họp Hội đồng quản trị sẽ được tiến hành ở địa chỉ đã đăng ký của Công Ty hoặc những địa chỉ khác ở tại Việt Nam hoặc ở nước ngoài theo đề xuất của chủ tịch Hội đồng và sự nhất trí của Hội đồng quản trị.

Điều 10. Cách thức biểu quyết

1. Biểu quyết.

Thành viên HĐQT được coi là tham dự và biểu quyết tại cuộc họp trong trường hợp sau đây:

- a. Tham dự và biểu quyết trực tiếp tại cuộc họp;
- b. Ủy quyền cho người khác đến dự họp theo quy định tại Khoản 13 Điều này;
- c. Tham dự và biểu quyết thông qua hội nghị trực tuyến hoặc hình thức tương tự khác.

Mỗi thành viên Hội đồng quản trị hoặc người được ủy quyền trực tiếp có mặt với tư cách cá nhân tại cuộc họp Hội đồng quản trị sẽ có một phiếu biểu quyết;

Gửi phiếu biểu quyết đến cuộc họp thông qua thư, fax, thư điện tử. Trường hợp gửi phiếu biểu quyết đến cuộc họp thông qua thư, phiếu biểu quyết phải đựng trong phong bì kín và phải được chuyển đến Chủ tịch Hội đồng quản trị chậm nhất một giờ trước khi khai mạc. Phiếu biểu quyết chỉ được mở trước sự chứng kiến của tất cả những người dự họp/

2. Biểu quyết đa số.

Hội đồng quản trị thông qua các Nghị quyết và ra quyết định bằng cách tuân theo ý kiến tán thành của đa số thành viên Hội đồng quản trị có mặt (trên 50%). Trường hợp số phiếu tán thành và phản đối ngang nhau thì lá phiếu của Chủ tịch sẽ là lá phiếu quyết định.

Điều 11. Nghị quyết và Biên bản họp Hội đồng quản trị

1. Nghị quyết Hội đồng quản trị bằng văn bản phải có chữ ký của Chủ tịch Hội đồng quản trị hoặc Phó Chủ tịch Hội đồng quản trị hoặc thành viên khác nếu được Chủ tịch Hội đồng quản trị ủy quyền.
2. Biên bản họp lập bằng tiếng Việt và có thể lập thêm bằng tiếng nước ngoài, có đầy đủ nội dung chủ yếu theo quy định của Luật Doanh nghiệp. Biên bản lập bằng tiếng Việt và tiếng nước ngoài có hiệu lực ngang nhau;
3. Chủ tọa và người ghi biên bản phải chịu trách nhiệm về tính trung thực và chính xác của nội dung biên bản họp Hội đồng quản trị;
4. Công ty thực hiện việc thông báo Nghị quyết Hội đồng quản trị theo quy định về việc công bố thông tin.

CHƯƠNG IV. TRÌNH TỰ, THỦ TỤC LỰA CHỌN, BỔ NHIỆM, MIỄN NHIỆM CÁN BỘ QUẢN LÝ

Điều 12. Tổ chức bộ máy quản lý:

Công ty sẽ ban hành một hệ thống quản lý mà theo đó bộ máy quản lý sẽ chịu trách nhiệm và nằm dưới sự lãnh đạo của Hội đồng quản trị. Công ty có một Tổng Giám đốc và/ hoặc một số Phó Tổng Giám đốc và một Giám đốc tài chính và/ hoặc Kế toán trưởng do Hội đồng quản trị bổ nhiệm. Tổng Giám đốc và các Phó Tổng Giám đốc có thể đồng thời là thành viên Hội đồng quản trị.

Theo đề nghị của Tổng Giám đốc và được sự chấp thuận của Hội đồng quản trị, Công ty được sử dụng số lượng và loại cán bộ quản lý cần thiết hoặc phù hợp với cơ cấu và thông lệ quản lý công ty do Hội đồng quản trị đề xuất vào từng thời điểm.

Cán bộ quản lý phải được đào tạo theo từng chuyên ngành, có đủ năng lực giải quyết công việc và có sự mẫn cán cần thiết để các hoạt động và tổ chức của Công ty đạt được các mục tiêu đề ra.

Điều 13. Lựa chọn, tiêu chuẩn bổ nhiệm cán bộ quản lý:

1. Trình tự, thủ tục bổ nhiệm Tổng Giám đốc

Việc bổ nhiệm, nhiệm kỳ của Tổng giám đốc được quy định tại Điều lệ công ty cụ thể:

- a. *Bổ nhiệm:* Hội đồng quản trị bổ nhiệm một (01) thành viên trong Hội đồng quản trị hoặc thuê một người khác làm Tổng Giám đốc.
- b. *Điều kiện:*
 - Có đủ năng lực pháp luật và năng lực hành vi dân sự, không thuộc đối tượng bị cấm quản lý doanh nghiệp theo quy định của Luật Doanh nghiệp;
 - Không phải là người đã từng hoặc đang bị truy cứu trách nhiệm hình sự, bị phạt tù hoặc bị tòa án tước quyền hành nghề theo quy định của pháp luật;
 - Có bằng đại học hoặc trên đại học chuyên ngành tài chính, ngân hàng, chứng khoán; có kinh nghiệm chuyên môn trong lĩnh vực tài chính, ngân hàng, chứng khoán ít nhất 03 (ba) năm và có kinh nghiệm quản lý điều hành tối thiểu 03 (ba) năm;
 - Có chứng chỉ hành nghề kinh doanh chứng khoán hoặc đủ điều kiện để được cấp chứng chỉ hành nghề kinh doanh chứng khoán theo quy định tại Luật chứng khoán;

- Không phải là người hành nghề đã bị Uỷ ban Chứng khoán Nhà nước thu hồi chứng chỉ hành nghề theo quy định của Luật Chứng khoán;
- Không được đồng thời làm việc cho một doanh nghiệp khác;
- Không được đồng thời là thành viên Hội đồng quản trị, thành viên hội đồng thành viên công ty chứng khoán khác;
- Chưa từng bị Uỷ ban Chứng khoán Nhà nước xử lý vi phạm theo quy định của pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán trong vòng hai (02) năm gần nhất;
- Tuân thủ quy tắc đạo đức nghề nghiệp trong hoạt động kinh doanh chứng khoán.

c. *Nhiệm kỳ:*

Nhiệm kỳ của Tổng Giám đốc không quá 05 (năm) năm trừ khi Hội đồng quản trị có quy định khác; có thể được bổ nhiệm lại với số nhiệm kỳ không hạn chế. Việc bổ nhiệm có thể hết hiệu lực căn cứ vào các quy định tại Hợp đồng lao động.

2. Trình tự, thủ tục bổ nhiệm cán bộ quản lý cao cấp

- Theo đề nghị của Tổng Giám đốc và được sự chấp thuận của Hội đồng quản trị, Công ty được sử dụng số lượng và loại cán bộ quản lý cần thiết hoặc phù hợp với cơ cấu và thông lệ quản lý công ty do Hội đồng quản trị đề xuất vào từng thời điểm;
- Mức lương, tiền thù lao, lợi ích và các điều khoản khác trong Hợp đồng lao động đối với Tổng Giám đốc sẽ do Hội đồng quản trị quyết định.

Điều 14. Bãi nhiệm, miễn nhiệm cán bộ quản lý

Các trường hợp bãi nhiệm, miễn nhiệm Tổng Giám đốc:

- Không có đủ tiêu chuẩn và điều kiện làm Tổng Giám đốc theo quy định tại Điều lệ;
- Có đơn xin từ chức;
- Theo quyết định của Hội đồng quản trị khi có từ hai phần ba thành viên Hội đồng quản trị biểu quyết tán thành (trường hợp này không tính biểu quyết của Tổng Giám đốc) và bổ nhiệm Tổng Giám đốc mới thay thế;
- Các trường hợp khác phù hợp với quy định pháp luật.

CHƯƠNG V. CÁCH THỨC HOẠT ĐỘNG CỦA BAN KIỂM SOÁT

Điều 15. Tiêu chuẩn và điều kiện thành viên Ban Kiểm soát

- Có đủ năng lực hành vi dân sự và không thuộc đối tượng bị cấm thành lập và quản lý doanh nghiệp theo quy định của Luật Doanh nghiệp;
- Không phải là vợ hoặc chồng, cha đẻ, cha nuôi, mẹ đẻ, mẹ nuôi, con đẻ, con nuôi, anh ruột, chị ruột, em ruột của thành viên Hội đồng quản trị, của Tổng Giám đốc, và người quản lý khác;
- Có trình độ chuyên môn hoặc kinh nghiệm nghề nghiệp về kế toán, kiểm toán hoặc trình độ chuyên môn, kinh nghiệm thực tế trong ngành tài chính, ngân hàng;

4. Ít nhất có một thành viên là kế toán viên hoặc kiểm toán viên trong trường hợp Công ty đã niêm yết;
5. Không giữ các chức vụ quản lý công ty;
6. Không phải là thành viên hay nhân viên của công ty kiểm toán độc lập đang thực hiện việc kiểm toán các báo cáo tài chính của công ty;
7. Các điều kiện và tiêu chuẩn khác phù hợp với quy định pháp luật.

Điều 16. Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm Ban Kiểm soát

1. Bầu Ban Kiểm soát

- a. Ban Kiểm soát có 03 (ba) đến 05 (năm) thành viên, nhiệm kỳ của Ban kiểm soát không quá 05(năm) năm và có thể được bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế. Trường hợp Kiểm soát viên có cùng thời điểm kết thúc nhiệm kỳ mà Kiểm soát viên nhiệm kỳ mới chưa được bầu thì Kiểm soát viên đã hết nhiệm kỳ vẫn tiếp tục thực hiện quyền và nhiệm vụ cho đến khi Kiểm soát viên nhiệm kỳ mới được bầu và nhận nhiệm vụ;
- b. Thành viên Ban Kiểm soát do Đại hội đồng cổ đông bầu chọn theo nguyên tắc dồn phiếu và cơ chế đẽ cử như đề cử thành viên Hội đồng quản trị tại Điều lệ Công ty. Các Kiểm soát viên bầu một người trong số họ làm Trưởng ban kiểm soát theo nguyên tắc đa số;
- c. Ban Kiểm soát phải có hơn một nửa số thành viên thường trú ở Việt Nam. Trưởng Ban kiểm soát phải là kế toán viên hoặc kiểm toán viên chuyên nghiệp và phải làm việc chuyên trách tại Công ty.

2. Miễn nhiệm, bãi nhiệm Ban Kiểm soát

Kiểm soát viên bị miễn nhiệm trong các trường hợp sau:

- a. Không có đủ tiêu chuẩn và điều kiện làm Kiểm soát viên theo quy định tại Điều lệ Công ty;
- b. Không thực hiện quyền và nhiệm vụ của mình trong 06 (sáu) tháng liên tục, trừ trường hợp bất khả kháng;
- c. Có đơn xin từ chức bằng văn bản và được Công ty chấp thuận;
- d. Theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông; các trường hợp khác phù hợp với quy định pháp luật.

Thành viên Ban Kiểm soát bị bãi nhiệm trong các trường hợp sau:

- e. Không hoàn thành nhiệm vụ, công việc được phân công;
- f. Vi phạm nghiêm trọng hoặc vi phạm nhiều lần nghĩa vụ của Kiểm soát viên quy định tại Luật Doanh nghiệp và Điều lệ công ty;
- g. Theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông.

Điều 17. Cách thức hoạt động và cuộc họp Ban Kiểm soát:

1. Ban Kiểm soát phải ban hành các quy định về cách thức hoạt động và trình tự, thủ tục, cách thức tổ chức cuộc họp của Ban Kiểm soát để Đại hội đồng cổ đông thông qua;
2. Mỗi năm Ban Kiểm soát phải tổ chức họp tối thiểu 02 (hai) lần;

3. Cuộc họp của Ban Kiểm soát được tiến hành khi có từ 2/3 (hai phần ba) tổng số thành viên tham dự.

CHƯƠNG VI. QUY ĐỊNH VỀ ĐÁNH GIÁ HÀNG NĂM ĐỐI VỚI HOẠT ĐỘNG, KHEN THƯỞNG VÀ KỶ LUẬT ĐỐI VỚI THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, THÀNH VIÊN BAN KIỂM SOÁT, TỔNG GIÁM ĐỐC

Điều 18. Phương thức đánh giá hoạt động

Tùy thuộc vào quy định của Hội đồng quản trị, công tác đánh giá hoạt động của thành viên Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc và cán bộ đảm nhiệm các vị trí quản lý của Công ty có thể được tiến hành theo một hoặc một số phương thức sau:

- Tự nhận xét, đánh giá;
- Tổ chức lấy phiếu thăm dò, tín nhiệm;
- Cách thức khác do Hội đồng quản trị lựa chọn vào từng thời điểm

Điều 19. Tiêu chí đánh giá hoạt động

Tiêu chí đánh giá hoạt động của các thành viên Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc và cán bộ đảm nhiệm các vị trí quản lý do Hội đồng quản trị ban hành trong từng thời kỳ.

Điều 20. Khen thưởng, kỷ luật

Hội đồng quản trị có thẩm quyền quyết định khen thưởng, kỷ luật đối với các chức danh quản lý do Hội đồng quản trị bổ nhiệm.

Tổng Giám đốc điều hành có thẩm quyền quyết định khen thưởng, kỷ luật đối với cán bộ đảm nhiệm các chức danh quản lý do Tổng Giám đốc điều hành bổ nhiệm.

Nguyên tắc xử lý, các hình thức xử lý, trình tự xử lý vi phạm, kỷ luật đối với cán bộ đảm nhiệm các vị trí quản lý của Công ty thực hiện theo quy chế về kỷ luật do Hội đồng quản trị ban hành trong từng thời kỳ.

Điều 21. Đôi với thành viên Hội đồng quản trị

Đánh giá hoạt động: Hội đồng quản trị sẽ kiểm điểm, đánh giá kết quả hoạt động của mỗi thành viên (gồm cả Chủ tịch và Phó Chủ tịch Hội đồng quản trị) theo định kỳ hàng năm, dựa theo các chức năng và nhiệm vụ theo quy định tại Điều lệ Công ty và kết quả thực hiện kế hoạch hoạt động của Hội đồng quản trị.

Khen thưởng: Tùy theo thành tích cá nhân, Hội đồng quản trị có quyền sử dụng một phần tổng mức thù lao và tiền thưởng hàng năm của Hội đồng quản trị và Ban Kiểm soát đã được Đại hội đồng cổ đông thường niên thông qua để chi thưởng cho các thành viên và xem xét khen thưởng, thi đua theo quy định của pháp luật và Quy chế khen thưởng của Hội đồng quản trị.

Kỷ luật: Hội đồng quản trị chịu trách nhiệm trước pháp luật và chịu trách nhiệm trước Đại hội đồng cổ đông về việc thực hiện các hoạt động thuộc phạm vi quyền hạn và nhiệm vụ của Hội đồng quản trị. Các thành viên Hội đồng quản trị có thể bị kỷ luật theo Quy chế kỷ luật của Hội đồng quản trị hoặc miễn nhiệm, bãi nhiệm trong các trường hợp đã được quy định trong Điều lệ Công ty và Quy chế miễn nhiệm, bãi nhiệm của Hội đồng quản trị.

Điều 22. Đối với thành viên Ban Kiểm soát

Đánh giá hoạt động: Ban Kiểm soát sẽ kiểm điểm, đánh giá kết quả hoạt động của mỗi thành viên (gồm cả Trưởng ban) theo định kỳ hàng năm, dựa theo chức năng và nhiệm vụ theo quy định tại Điều lệ Công ty và kết quả thực hiện kế hoạch hoạt động của Ban Kiểm soát.

Khen thưởng: Tùy theo thành tích cá nhân, Trưởng ban Kiểm soát sẽ đề nghị Hội đồng quản trị thẩm định và quyết định sử dụng một phần tổng mức thù lao và tiền thưởng hàng năm của Hội đồng quản trị và Ban Kiểm soát đã được Đại hội đồng cổ đông thường niên thông qua để chi thưởng cho các thành viên và xem xét khen thưởng, thi đua theo quy định của pháp luật và Quy chế khen thưởng của Hội đồng quản trị.

Kỷ luật: Ban Kiểm soát chịu trách nhiệm trước pháp luật và chịu trách nhiệm trước Đại hội đồng cổ đông về việc thực hiện các quyền và nhiệm vụ của Ban Kiểm soát. Các thành viên Ban Kiểm soát có thể bị kỷ luật theo Quy chế kỷ luật của Hội đồng quản trị hoặc bị miễn nhiệm, bãi nhiệm trong các trường hợp đã được quy định trong Điều lệ Công ty và Quy chế miễn nhiệm, bãi nhiệm của Hội đồng quản trị.

Điều 23. Đối với Tổng Giám đốc

Đánh giá hoạt động: Hội đồng quản trị sẽ đánh giá phẩm chất, năng lực, kết quả và hiệu quả điều hành của Tổng Giám đốc theo định kỳ hàng năm trên cơ sở đánh giá kết quả hoạt động kinh doanh của Công ty, có tham khảo ý kiến của Trưởng ban Kiểm soát.

Khen thưởng: Hội đồng quản trị sẽ quyết định việc khen thưởng cụ thể cho Tổng Giám đốc theo chính sách đã thiết lập và thỏa thuận trước, chi phí này được hạch toán vào chi phí quản lý. Hội đồng quản trị có quyền sử dụng quỹ khen thưởng phúc lợi để chi khen thưởng chung, trong đó có Tổng Giám đốc và xem xét khen thưởng, thi đua theo quy định của pháp luật và Quy chế khen thưởng của Hội đồng quản trị.

Kỷ luật: Tổng Giám đốc chịu sự giám sát của Hội đồng quản trị, chịu trách nhiệm trước Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị và trước pháp luật về việc thực hiện các quyền và nhiệm vụ được giao. Tổng Giám đốc có thể bị kỷ luật theo Quy chế kỷ luật của Hội đồng quản trị hoặc bị miễn nhiệm, bãi nhiệm trong các trường hợp đã được quy định trong Điều lệ Công ty và Quy chế miễn nhiệm, bãi nhiệm của Hội đồng quản trị.

Điều 24. Đối với các cán bộ đảm nhiệm các vị trí quản lý khác:

Đánh giá hoạt động: Việc đánh giá hoạt động đối với các cán bộ đảm nhiệm các vị trí quản lý khác được thực hiện theo định kỳ hàng năm theo nội dung thỏa thuận trong hợp đồng lao động đã được ký giữa Công ty với các cán bộ đảm nhiệm các vị trí quản lý đó.

Khen thưởng: Hội đồng quản trị sẽ quyết định việc khen thưởng cụ thể cho các cán bộ quản lý theo đề nghị của Tổng Giám đốc và theo chính sách khen thưởng của Công ty, chi phí này được hạch toán vào chi phí quản lý. Hội đồng quản trị có quyền sử dụng quỹ khen thưởng phúc lợi để chi khen thưởng chung, trong đó có các cán bộ đảm nhiệm các vị trí quản lý.

Kỷ luật: Các cán bộ đảm nhiệm các vị trí quản lý có thể bị kỷ luật theo quy chế kỷ luật của Hội đồng quản trị hoặc bị miễn nhiệm, bãi nhiệm theo quy chế miễn nhiệm, bãi nhiệm của Hội đồng quản trị và nội quy của Công ty.

Điều 25. Trách nhiệm về thiệt hại

Thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban Kiểm soát, Tổng Giám đốc và cán bộ quản lý vi phạm nghĩa vụ hành động một cách trung thực, không hoàn thành nghĩa vụ của mình với sự cẩn trọng, mẫn cán và năng lực chuyên môn sẽ phải chịu trách nhiệm về những thiệt hại do hành vi vi phạm của mình gây ra.

CHƯƠNG VII. SỬA ĐỔI VÀ BỔ SUNG QUY CHẾ

Điều 26. Bổ sung và sửa đổi quy chế

1. Việc sửa đổi, bổ sung quy chế này phải được Hội đồng quản trị xem xét quyết định.
2. Trong trường hợp những quy định của pháp luật có liên quan đến hoạt động của Công ty chưa được đề cập trong bản Quy chế này hoặc trong trường hợp có những quy định mới của pháp luật khác với những điều khoản trong Quy chế này thì những quy định của pháp luật đó đương nhiên được áp dụng và điều chỉnh hoạt động của Công ty.

CHƯƠNG VIII. NGÀY HIỆU LỰC

Điều 27. Ngày hiệu lực

1. Bản Quy chế này gồm tám (8) chương và hai mươi bảy (27) điều được Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Chứng khoán KB Việt Nam nhất trí thông qua và cùng chấp thuận hiệu lực toàn văn của Quy chế này kể từ ngày ký;
2. Bản quy chế này là duy nhất và chính thức của Công ty;
3. Các bản sao hoặc trích lục Điều lệ Công ty phải được Chủ tịch Hội đồng quản trị hoặc ít nhất một phần hai tổng số thành viên Hội đồng quản trị ký xác nhận và đóng dấu Công ty mới có giá trị.

T/M HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

